

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ,
LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 118/2025/QH15, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 118/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong trường hợp **tổ chức, doanh nghiệp chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ**.”
sau đây:

a) ~~Tổ chức, doanh nghiệp chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;~~

b) ~~Cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ.~~

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1:

“b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ; **đối với cơ quan, tổ chức doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an thì nộp về cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định;**

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, **cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này cấp giấy phép;**

~~giấy chứng nhận, chứng chỉ phải thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định.”;~~

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không đề nghị giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ thì ***cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này*** ~~ơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ~~ phải kiểm tra, lập biên bản, tổ chức thu hồi, xử lý theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Thủ tục trang bị vũ khí quân dụng đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:

a) ~~Hồ sơ đề nghị bao gồm: v~~ Văn bản đề nghị ***trang bị***, trong đó ghi rõ: ***thông tin về số lượng, chủng loại vũ khí quân dụng đã được lãnh đạo bộ, ngành đồng ý trang bị***; tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị có nhu cầu trang bị ***và lý do trang bị***; doanh nghiệp bán vũ khí quân dụng; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ; ~~lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí quân dụng được trang bị; văn bản đồng ý của lãnh đạo Bộ, ngành về việc trang bị vũ khí quân dụng;~~

b) ~~Hồ sơ Văn bản~~ quy định tại điểm a khoản này nộp tại cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận ***được văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này*** ~~đủ hồ sơ~~, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị vũ khí quân dụng; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng có thời hạn 60 ngày.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:

a) ~~Hồ sơ đề nghị bao gồm: v~~ Văn bản đề nghị ***trang bị***, trong đó ghi rõ: ***thông tin về số lượng, chủng loại vũ khí thể thao đã được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng ý trang bị***; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị ***và lý do trang bị***; ~~tổ chức, doanh nghiệp bán vũ khí thể thao và họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí thể thao; văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc trang bị vũ khí thể thao;~~

b) ~~Hồ sơ Văn bản đề nghị~~ quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia ***hoặc*** Ứng dụng định danh quốc gia ***hoặc*** Hệ thống thông

tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp ~~hồ sơ~~ thì văn bản đề nghị **thì** bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ **trong văn bản**;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được **văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này** ~~đủ hồ sơ~~, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị vũ khí thể thao; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Giấy phép trang bị vũ khí thể thao có thời hạn 60 ngày.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 34 như sau:

“b) Chỉ được xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp khi có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp **được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định** ~~ơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công Thương cấp~~.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia **hoặc Ứng dụng định danh quốc gia hoặc** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của **cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép** ~~Bộ Công Thương~~ hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan có thẩm quyền **cấp giấy phép** ~~do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định~~; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 45 như sau:

“5. Trong thời hạn ~~05-03~~ ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 46 như sau:

“3. Trong thời hạn ~~05-03~~ ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 49 như sau:

“đ) Chỉ được kinh doanh công cụ hỗ trợ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ~~và theo giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ~~.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 53 như sau:

“1. Thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:

a) ~~Hồ sơ đề nghị bao gồm:~~ **Văn bản đề nghị**, trong đó ghi rõ: tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị và tên, địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp bán công cụ hỗ trợ; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu

công cụ hỗ trợ cần trang bị; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách thì ***văn bản đề nghị phải bổ sung thông tin số, ngày, tháng, năm ban hành*** ~~phải có bản sao~~ quyết định thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách;

b) ~~Hồ sơ~~ ***Văn bản*** đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Công dịch vụ công quốc gia ***hoặc*** Ứng dụng định danh quốc gia ***hoặc*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp ~~hồ sơ~~ thì văn bản đề nghị ***thì*** bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ ***trong văn bản***;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ***văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này*** ~~đủ hồ sơ~~, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

11. Bổ sung cụm từ “Ứng dụng định danh quốc gia” vào sau cụm từ “Công dịch vụ công quốc gia” tại điểm b khoản 3 Điều 41 và điểm c khoản 3 Điều 47.

12. Bãi bỏ khoản 4 Điều 9, điểm d khoản 1 Điều 39 và Điều 50.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và nguồn nhân lực thực hiện thẩm định thiết kế, ~~kiểm tra công tác nghiệm thu~~, kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11 như sau:

“a) Việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông theo quy định; ***việc chấp hành quy định của pháp luật về thẩm định thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông***”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Làm giả, làm sai lệch ***hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế***, kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, ~~kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy~~.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 18 như sau:

“Điều 18. Nghiệm thu, ~~kiểm tra công tác nghiệm thu~~ về phòng cháy và chữa cháy”

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

~~“4. Công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sau khi tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải được cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; Chỉ được đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông vào khai thác, sử dụng sau khi được **chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông** cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận kết quả **đã** nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.”;~~

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

~~“6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này; quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; quy định trách nhiệm phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.”.~~

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 22 như sau:

“c) Phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; ~~văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;~~”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

~~“5. Thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.”~~

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ~~và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy~~ sản xuất, lắp ráp trong nước, ***nhập khẩu trước khi lưu thông và khi lưu thông trên thị trường phải phải bảo đảm về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bảo đảm chất lượng và thực hiện việc quản lý theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.***

2. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ~~và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy~~ được sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu có kết quả về một trong các hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam do tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước đã đăng ký hoặc được chỉ định thực hiện hoặc có kết quả đánh giá sự phù hợp do tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế được một trong các tổ chức quy định tại điểm b khoản 2

Điều 57 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật công nhận thực hiện việc đánh giá thì được miễn thực hiện công bố hợp quy, miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu theo quy định và thực hiện việc kê khai thông tin theo quy định của Chính phủ tại khoản 3 Điều này trước khi lưu thông trên thị trường. ~~phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trường hợp giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.~~

3. Chính phủ quy định **chi tiết khoản 2 Điều này và việc quản lý đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; việc kê khai thông tin của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi nhập khẩu và trước khi lưu thông trên thị trường;** ~~việc cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.”.~~

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 55 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ~~nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy~~ **nhưng chưa tổ chức thi công hoặc trong quá trình triển khai thực hiện có điều chỉnh thiết kế về phòng cháy và chữa cháy** thì ~~được~~ tiếp tục thực hiện **thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy** theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Cơ sở, phương tiện giao thông, hộ gia đình ~~và cá nhân~~ không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đang bị ~~tạm đình chỉ~~ đình chỉ hoạt động trước ngày **01 tháng 7 năm 2025** ~~Luật này có hiệu lực thi hành~~ thì tiếp tục được ~~giải quyết~~ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15 **sau khi khắc phục các tồn tại, vi phạm về phòng cháy, chữa cháy theo quy định được đưa vào hoạt động và phải thông báo đến cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý bằng văn bản hoặc qua hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy và chịu trách nhiệm về kết quả khắc phục.”.**

10. Thay thế cụm từ “quy định thống nhất trong cả nước là 114” tại khoản 2 Điều 6 bằng cụm từ “**quy định thiết lập** thống nhất trong cả nước là 114”.

11. Bổ sung cụm từ “trước khi bàn giao, đưa vào sử dụng” vào sau cụm từ “nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy” tại khoản 5 Điều 8.

12. Bãi bỏ khoản 19 Điều 2, khoản 5 Điều 18, khoản 3 Điều 22, khoản 10 Điều 41, khoản 2 và khoản 3 Điều 53, khoản 4 Điều 55.

13. Sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 như sau:

Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 14 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn